

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **07/2020/HNGĐ- ST**
Ngày: 04-3-2020
"Về việc ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Bình

Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 277/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Tạ Thu D-nđ, sinh năm 2001. Địa chỉ: ấp NH, xã ĐH A, huyện An Minh, Kiên Giang. *(có mặt)*

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B-bđ, sinh năm 1994. Địa chỉ: ấp TT, xã TT, huyện An Minh, Kiên Giang. *(vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09-12-2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Tạ Thu D-nđ trình bày và yêu cầu như sau:

Chị D-nđ và anh B-bđ quen biết nhau được một thời gian rồi được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào ngày 02/05/2017al. Quá trình chung sống anh, chị chưa đăng ký kết hôn. Sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn chủ yếu là do cự cãi, anh B-bđ đánh chị D-

nd. Từ đó, anh chị ly thân từ tháng 5/2019a1 cho đến nay.

Chị D-nd và anh B-bđ sống chung có 01 đứa con chung tên Tạ Văn T-lq, sinh ngày 19/10/2018 (giấy khai sinh để trống tên cha và lấy theo họ chị D-nd). Hiện nay cháu T-lq đang do chị D-nd trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản và nợ chung không có.

Chị D-nd khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với anh B-bđ; về con chị D-nd xin nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và nợ không có nên không yêu cầu.

Bị đơn anh B-bđ vắng mặt nên không có lời trình bày. (Bà Trần Thị Diệu là mẹ ruột anh B-bđ có mặt tại phiên tòa và trình bày: anh B-bđ đã biết việc chị D-nd xin ly hôn nhưng anh không bỏ vợ, con nên không về tham gia phiên tòa; nếu ly hôn anh yêu cầu được tới lui thăm con; nếu chị D-nd có chồng khác thì giao con lại cho anh nuôi dưỡng; phần tài sản không yêu cầu gì chỉ đề nghị chị D-nd trả cho bác xuôi số tiền còn nợ là 1.000.000đ).

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; đối với các đương sự thì từ khi thụ lý vụ án đến nay phía nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; phía bị đơn vắng mặt nên đã không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định, việc xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định. Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị D-nd và anh B-bđ; về con giao chị D-nd nuôi dưỡng, anh B-bđ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D-nd không yêu cầu; tài sản và nợ không yêu cầu nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh B-bđ đều vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh B-bđ vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh B-bđ.

[2] Về quan hệ hôn nhân, chị D-nd và anh B-bđ cưới nhau vào năm 2017 và sống chung từ đó đến khi ly thân vào tháng 5/2019 âm lịch. Quá trình sống

chung anh, chị không đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Như vậy, mặc dù chị D-nđ và anh B-bđ sống chung trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm các điều kiện kết hôn nhưng do anh, chị không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng*”, và tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình quy định “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này*”. Đối chiếu với quy định nêu trên, nay chị D-nđ có yêu cầu ly hôn với anh B-bđ, Tòa án thụ lý vụ việc và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị D-nđ và anh B-bđ.

[4] Về con chung, anh chị có 01 người con chung là Tạ Văn T-lq, sinh ngày 19/10/2018 (giấy khai sinh để trống tên cha và lấy theo họ chị D-nđ). Hiện nay cháu T-lq đang do chị D-nđ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D-nđ có yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; anh B-bđ vắng mặt không trình bày ý kiến; tại phiên tòa mẹ anh B-bđ có ý kiến đồng ý giao cho chị D-nđ nuôi con nhưng phải cho thăm nom, chăm sóc và nếu sau này chị D-nđ không đủ điều kiện nuôi thì giao lại anh B-bđ. HĐXX thấy cháu T-lq còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ nên căn cứ Điều 81 và 82 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu T-lq cho chị D-nđ trực tiếp nuôi dưỡng, anh B-bđ không phải cấp dưỡng nuôi con do chị D-nđ không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: chị D-nđ không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Đối với phần tài sản và nợ mà bà Diệu (mẹ anh B-bđ) nêu ra các bên tự thương lượng nếu không thỏa thuận được có quyền khởi kiện tranh chấp về tài sản sau khi ly hôn.

[6] Về án phí, nguyên đơn chị D-nđ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000đ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 và khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Tạ Thu D-
nđ, sinh năm 2001 và anh Nguyễn Văn B-bđ, sinh năm 1994.

2- Về nuôi con chung: Giao chị D-nđ trực tiếp nuôi con chung là Tạ Văn
T-lq, sinh ngày 19/10/2018 (giấy khai sinh để trống tên cha và lấy theo họ chị
D-nđ và hiện nay đang do chị D-nđ trực tiếp nuôi dưỡng), anh B-bđ không cấp
dưỡng nuôi con do chị D-nđ không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm
nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc
thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc,
nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án
hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3- Về tài sản và nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xét.

4- Về án phí sơ thẩm: chị Tạ Thu D-nđ chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn,
khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên
lai thu số 0007566 ngày 09-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An
Minh, chị D-nđ đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5- Án xử sơ thẩm có mặt nguyên đơn chị D-nđ, vắng mặt bị đơn anh B-
bđ. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15
ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 04-3-2020); bị đơn có quyền kháng cáo trong
thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp
lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Chí Công

Lê Chí Công